

Bản án số: 239/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-07- 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Năng

2/ Ông Nguyễn Nhựt Thảo

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn K , sinh năm: 1967 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 122, Tổ 18, ấp Hòa L, thị trấn C, huyện C, An Giang.

2.*Bị đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 122, Tổ 18, ấp Hòa L, thị trấn A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 12/4/2020, nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị M kết hôn với nhau vào tháng 5 năm 1987, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới thì bà M về sống và làm dâu bên chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về công

việc, lối sống, ngoài ra cách xử sự của vợ đối với ông ngày càng lạnh nhạt, không quan tâm đến ông. Ông đã ly thân với bà M cách đây 2 năm, thời gian này thì bà M tự bỏ nhà đi làm, thỉnh thoảng có về thăm nhà khi lễ tết, ông có hỏi thì bà M không nói đi làm nghề gì, công ty nào và đang sống ở đâu. Từ năm 2018 vợ chồng ông, bà ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị M.

- Về con chung: Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị Thu T, sinh ngày 18/4/1988; Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 3/5/1990; Phạm Quốc T, sinh ngày 11/1/1993. Hiện đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thực hiện đăng báo, nhấn tin trên báo Công lý của Tòa án nhân dân Tối cao vào 3 kỳ liên tiếp (số 035(733), 036(734), 037(735) ra các ngày 01, 05, 08 tháng 5 năm 2020) nhưng phía bị đơn bà Bùi Thị M vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông K. Theo đơn xin xác nhận của ông Phạm Văn K ngày 3/3/2020 thì bà Bùi Thị M hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở số 122, tổ 18, ấp Hòa L, thị trấn A, huyện C, An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K, Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn K và bà Bùi Thị M. Về con chung: Các con đã trưởng thành. Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ông Phạm Văn K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ và thực hiện đăng báo, nhấn tin trên báo Công lý của Tòa án nhân dân Tối cao vào 3 kỳ liên tiếp (số 035(733), 036(734), 037(735) ra các ngày 01, 05, 08 tháng 5 năm 2020) nhưng phía bị đơn bà Bùi Thị M nhưng bà M vẫn vắng mặt

không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị M theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn K và bà Bùi Thị M chung sống với nhau vào tháng 5 năm 1987, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn A ngày 5/8/2019 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Phạm Văn K và bà Bùi Thị M. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa ông K và bà M đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của ông đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông K và bà M không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn K và bà Bùi Thị M là phù hợp.

[2.2]- Về con chung: Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị Thu T , sinh ngày 18/4/1988; Phạm Thị Mỹ C , sinh ngày 3/5/1990; Phạm Quốc T , sinh ngày 11/1/1993. Hiện đã trưởng thành.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: ông Phạm Văn K trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của ông Phạm Văn K được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn K . Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn K và bà Bùi Thị M.

2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên là Phạm Thị Thu T , sinh ngày 18/4/1988; Phạm Thị Mỹ C , sinh ngày 3/5/1990; Phạm Quốc T , sinh ngày 11/1/1993. Hiện đã trưởng thành.

3. Về tài sản và nợ chung: ông Phạm Văn K trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Văn K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại

biên lai thu số 0006822 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn K đồng ý chịu chi phí tố tụng (chi phí đăng công báo) với số tiền 1.500.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) ông Khu đã nộp xong.

6. Về kháng cáo: Ông Phạm Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2020). Bà Bùi Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung